

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 20-01-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hiền và ông Phùng Văn Tàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 160/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-DS ngày 22/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS ngày 06/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (tên viết tắt: VP). Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D (Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của ông Ngô Chí D): Ông Phạm Tuấn A, Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VP hội sở.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn A, Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VP hội sở (Theo Văn bản ủy quyền của ông **Phạm Tuấn A** số 8995/2019/UQ-VPB ngày 02/12/2019 và số 2104/2020/UQ-VPB ngày 29/7/2020 v/v: Nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại

Tòa án): Ông **Nguyễn Anh H1**, Chuyên viên Xử lý nợ; *địa chỉ liên hệ*: Tầng 7, Tòa nhà Việt Hải, Số 78, đường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Anh Hiếu có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1973; có mặt tại phiên tòa;

+ Bà Vũ Thị V, sinh năm 1972; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú tại địa chỉ: Số nhà X Ngõ Y đường CB – NS, Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1991;

+ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992;

+ Cháu Nguyễn Khánh C, sinh năm 2020 (do vợ chồng anh S, chị N đại diện);

+ Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1994;

+ Chị Đoàn Thị Q, sinh năm 1997;

+ Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2017;

+ Cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 2020.

(Cháu N, Đ1 do vợ chồng anh Đ, chị Q đại diện)

Cùng cư trú tại địa chỉ: Số nhà X Ngõ Y đường CB – NS, Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền VP trình bày:

[1.1]. Về quan hệ tín dụng:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V vay vốn tại VP theo Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 2182649 ký ngày 20/11/2014 (ký tại VP Chi nhánh Thăng Long – Phòng Giao dịch Mỹ Đình); Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 13/4/2015, cụ thể như sau:

- *Hợp đồng tín dụng số 2182649 ký ngày 20/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 2182649 ký ngày 24/11/2014*: Số tiền vay: 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng; thời hạn vay: 120 tháng; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất và thiết bị gia đình; các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

- *Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày Ngân hàng cấp duyệt cho vay ngày 13/4/2015*: Hạn mức cho vay: 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng; loại thẻ: VP MasterCard Platinum.

Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay nêu trên là toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 211, Tờ bản đồ số: 07 tại địa chỉ: Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HD, thành phố Hà Nội có “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 688769. Sổ vào sổ cấp GCN: CH-00593 do Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011, đứng tên ông Nguyễn Xuân H. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4578/2104; Quyền số: 03-2014 do Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 20/11/2014. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Trong đó đã thỏa thuận mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho VP, tạm tính đến ngày 16/7/2021, khoản tiền này là: 2.545.028.785 đồng (trong đó, nợ gốc là: 1.147.795.662 đồng; nợ lãi là: 1.039.455.657 đồng; phạt chậm trả lãi là: 357.777.476 đồng).

[1.2]. Yêu cầu của nguyên đơn: VP đề nghị Tòa án tuyên trong bản án các nội dung sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V phải thanh toán cho VP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 16/7/2021, khoản tiền này là: 2.545.028.785 đồng (trong đó, nợ gốc là: 1.147.795.662 đồng; nợ lãi là: 1.039.455.657 đồng; phạt chậm trả lãi là: 357.777.476 đồng).

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V thực tế thanh toán hết nợ cho VP.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VP, cụ thể như sau:

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 211, Tờ bản đồ số: 07 tại đại chỉ: Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HD, thành phố Hà Nội có “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 688769, sổ vào sổ cấp GCN: CH-00593 do Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011, đứng tên ông Nguyễn Xuân H. Tài sản bảo đảm đã thế chấp cho VP theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ số công chứng: 4578/2014; Quyền số: 03-2014 do Văn phòng Công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 20/11/2014. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

+ Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

+ Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bên vay trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ.

- Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Xuân H khai:

Ông Nguyễn Xuân H và vợ là Vũ Thị V có vay vốn tại VP theo Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 2182649 ký ngày 24/11/2014; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày được Ngân hàng cấp duyệt cho vay ngày 10/4/2015, cụ thể như sau:

1. *Hợp đồng tín dụng số 2182649 ký ngày 20/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 2182649 ký ngày 24/11/2014:* Số tiền vay: 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng; thời hạn vay: 120 tháng; mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất và thiết bị gia đình; các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. *Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày Ngân hàng cấp duyệt cho vay ngày 10/4/2015:* Hạn mức cho vay: 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng; loại thẻ: VP MasterCard Platinum.

Tài sản đảm bảo cho hai khoản vay nêu trên là toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 211, tờ bản đồ

số: 07 tại địa chỉ: Số nhà X Ngõ Y đường CB – NS, Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HD, thành phố Hà Nội có “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 688769. Số vào sổ cấp GCN: CH-00593 do UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011, đứng tên Nguyễn Xuân H. Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4578/2104; Quyền số: 03-2014 do Văn phòng Công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 20/11/2014. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Trong đó đã thỏa thuận mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Sau khi được Ngân hàng giải ngân tổng số tiền 1.535.000.000 (một tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu) đồng, vợ chồng ông H bà V trả nợ đều đặn đến tháng 7 năm 2017, sau đó do làm ăn thua lỗ nên không trả nợ được nữa. Ông H xác nhận số tiền còn nợ gốc như Ngân hàng thông báo là: Số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng: còn nợ 1.061.657.000 (một tỷ không trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn) đồng; số tiền vay theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ: còn nợ 86.138.662 (tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng. Ông H chịu trách nhiệm trả đủ số tiền gốc cho Ngân hàng. Ông H đã được Tòa án thông báo nội dung khởi kiện của nguyên đơn nên đã biết số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu nhưng do rất khó khăn về kinh tế nên ông H xin Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi. Nếu Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi, chỉ phải trả tiền gốc thì ông H sẽ trả đủ tiền vào ngày 24/8/2021. Trường hợp không trả được nợ theo cam kết, ông H đồng ý để VP yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho VP, cụ thể là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất trên) tại thửa đất số 211, tờ bản đồ số: 07 tại địa chỉ: Số nhà X Ngõ Y đường CB – NS, Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HD, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ, ông H cam kết sẽ sử dụng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của vợ chồng ông H để trả.

[3] Quá trình làm việc tại Tòa án, đồng bị đơn là Vũ Thị V khai:

Bà Vũ Thị V nhất trí với lời khai của chồng là ông Nguyễn Xuân H. Bà V xác nhận khoản nợ, trách nhiệm trả nợ, xin được giảm lãi và quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ như ông H đã trình bày tại Tòa án.

[4] Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị P, anh

Nguyễn Xuân S, chị Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Khánh C, sinh năm 2020 (con đẻ của vợ chồng anh S, chị N); anh Nguyễn Xuân Đ, chị Đoàn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2017, cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh năm 2020 (Cháu N1, Đ1 là con đẻ của vợ chồng anh Đ1, chị Q1) là những người cùng cư trú trên tài sản bảo đảm tại địa chỉ: Số nhà X Ngõ Y đường CB – NS, Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có giấy triệu tập, thông báo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên đều vắng mặt. Riêng bà Hoàng Thị P1, ngày 27/8/2021 bà P1 chết do tuổi già. Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã thông báo cho các đương sự về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ, hòa giải tại Tòa án, văn bản thông báo đã được tổng đạt hợp lệ, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện quan điểm của những người liên quan đối với vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[5] Tại phiên tòa:

[5.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V phải thanh toán cho VP toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và Giấy phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tính đến ngày 20/01/2022, cụ thể các khoản tiền là:

+ Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014: Tổng số tiền: 2.009.938.025 đồng (trong đó nợ gốc: 1.061.657.000 đồng; nợ lãi: 948.281.025 đồng);

+ Đối với thẻ tín dụng ký duyệt cho vay ngày 10/4/2015: Tổng số tiền 325.995.167 đồng (trong đó nợ gốc: 86.138.662 đồng, nợ lãi: 239.856.505 đồng).

Tổng hai khoản: 2.335.933.192 đồng (trong đó 1.147.795.662 đồng nợ gốc; nợ lãi: 1.188.137.530 đồng).

Đồng thời, ông H, bà V phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ cho VP; nếu không trả đủ tiền thì VP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì ông

H, bà V phải dùng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của mình để thanh toán đủ cho VP.

VP rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H, bà V phải trả đối với số tiền phạt chậm trả là 444.800.386 đồng.

[5.2] Bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày việc vay tiền VP đúng như nguyên đơn trình bày, vợ chồng ông không trả được nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy phát hành thẻ tín dụng là do lăm ăn thua lỗ, khó khăn về kinh tế. Ông H nhất trí cách tính lãi của VP; đồng thời xác nhận các khoản nợ như nội dung yêu cầu của VP, ông đề nghị VP giảm toàn bộ tiền lãi và đồng ý cho VP được yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu vợ chồng ông không trả được, trường hợp tiền thu được từ tài sản bảo đảm không đủ trừ nợ thì ông có trách nhiệm trả đủ cho VP.

[5.3] Đồng bị đơn bà V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh S, chị N, cháu C, anh Đ, chị Q, cháu N, cháu Đ1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên vẫn tiến hành xét xử vụ án. Lời khai của bà V tại Tòa án và trong buổi hòa giải cũng xác nhận các khoản tiền vay VP, không có ý kiến gì khác ngoài việc đề nghị được miễn toàn bộ tiền lãi.

[5.4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:

[5.4.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa và trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, đây là lần vắng mặt thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[5.4.2] Về nội dung vụ án và hướng giải quyết:

+ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, Giấy phát hành thẻ tín dụng đều có giá trị pháp luật, bị đơn đã vi phạm hợp đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tính đến ngày 20/01/2022 tổng hai khoản: 2.335.933.192 đồng (trong đó 1.147.795.662 đồng nợ gốc; nợ lãi: 1.188.137.530 đồng). Kể từ ngày 21/01/2022, ông H và bà V

tiếp tục có trách nhiệm trả lãi suất theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ gốc; nếu không trả đủ tiền thì VP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, trường hợp sau khi kê biên, phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì phải dùng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bên vay để thanh toán đủ cho VP.

+ Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả là 444.800.386 đồng, ông H không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV (VP) được thành lập ngày 12/8/1993, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, trong đó có hoạt động cấp tín dụng vì mục đích lợi nhuận. Ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Ông H và bà V vay vốn tại VP theo Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014 và Khế ước nhận nợ số 2182649 ký ngày 20/11/2014, mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất và thiết bị gia đình; Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 10/4/2015, là cá nhân vay tiền với mục đích tiêu dùng. Do đó, xác định hợp đồng giữa các bên là hợp đồng tín dụng, thuộc loại hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005, tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này là loại việc quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ quy định về thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Vũ Thị V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh S, chị N, cháu C, anh Đ, chị Q, cháu N, cháu Đ1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Như vậy, việc bị đơn (bà V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 20/11/2014, ông Nguyễn Xuân H, bà Vũ Thị V và VP ký Hợp đồng tín dụng số 2182649; ngày 24/11/2014 hai bên ký Khế ước nhận nợ số 2182649:

- + Số tiền vay: 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng;
- + Thời hạn vay: 120 tháng tính từ ngày giải ngân vốn đầu tiên 24/11/2014;
- + Mục đích sử dụng vốn: vay tiêu dùng mua sắm đồ nội thất, thiết bị gia đình;
- + Lãi suất: lãi suất cho vay trong hạn áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 13%/năm, mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hằng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2015, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm; lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

+ Phương thức trả nợ:

Kỳ trả nợ gốc: định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 24, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 24/12/2014, tổng cộng 120 kỳ, mỗi kỳ trả 11.667.000 đồng, kỳ cuối cùng là 11.627.000 đồng vào ngày đáo hạn 24/11/2024.

Kỳ trả nợ lãi: định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 24, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 24/12/2014.

+ Việc giải ngân:

Ngày 24/11/2014, ông H và bà V đã được VP giải ngân số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Ngày 10/4/2015, VP ký duyệt phát hành cho ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, loại thẻ: VP MasterCard Platinum: Hạn mức cho vay: 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng. Tính đến nay, dư nợ gốc theo thẻ tín dụng là 86.138.662 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ:

- Hợp đồng tín dụng và Giấy phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Ông H và bà V đã trả được 338.343.000 đồng nợ gốc và 407.531.760 đồng tiền lãi của khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Sau lần trả nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng vào ngày 24/7/2017, từ tháng 8 năm 2017, ông H, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm các điều 1, 4 của Hợp đồng tín dụng và các điều 6, 7 của Khế ước nhận nợ. Đối với khoản vay theo hợp đồng thẻ tín dụng, đến nay còn nợ 86.138.662 đồng tiền gốc và 239.856.505 đồng tiền lãi. Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng, VP chuyển toàn bộ dư nợ gốc của tiền vay sang nợ quá hạn và tính lãi suất nợ quá hạn đối với khoản tiền vay là có căn cứ. Căn cứ biểu tính lãi do VP xuất trình tại Tòa án phù hợp với thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng về tính lãi. Ông H và bà V cũng xác nhận còn nợ VP số tiền nợ gốc và nợ lãi, đã đề xuất giảm lãi nhưng không được VP chấp nhận. Do vậy, yêu cầu của VP buộc ông H và bà V thanh toán các khoản tiền như nội dung đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận, cụ thể gồm các khoản sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng: Tổng số tiền: 2.009.938.025 đồng (trong đó nợ gốc: 1.061.657.000 đồng; nợ lãi nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 948.281.025 đồng);

+ Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, ký duyệt cho vay ngày 10/4/2015: Tổng số tiền 325.995.167 đồng (trong đó nợ gốc: 86.138.662 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 239.856.505 đồng).

Tổng hai khoản: 2.335.933.192 đồng (trong đó nợ gốc: 1.147.795.662 đồng; nợ lãi nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 1.188.137.530 đồng).

Ngoài ra, ông H, bà V còn phải trả lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc cho đến ngày trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

- VP rút yêu cầu ông H và bà V phải trả số tiền phạt chậm trả là 444.800.386 đồng. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp

nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông H và bà V không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ thì VP có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 4578/2014 Quyền số 03-2014 do Văn phòng Công chứng Kinh Đô chứng thực ngày 20/11/2014, các bên giao kết hợp đồng phù hợp với các quy định tại các điều 318, 319, 322, 323, 324, 342, 343, 344 của Bộ luật dân sự năm 2005. Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và các bên có nghĩa vụ thi hành.

- Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014 và Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có ghi rõ: Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 211, Tờ bản đồ số: 07 tại đại chỉ: Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HĐ, thành phố Hà Nội có “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 688769, số vào sổ cấp GCN: CH-00593 do Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011, đứng tên ông Nguyễn Xuân H. Tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp nêu rõ: Tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng kể từ ngày 20/11/2014 đến ngày 20/11/2019. Do đó, Hợp đồng thế chấp có giá trị bảo đảm cho cả hai khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 20/11/2014 và Thẻ tín dụng ký ngày 10/4/2015.

- Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm ngày 27/4/2021, ông H, bà V khai tất cả các công trình trên đất đều nguyên trạng như tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp tài sản.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà V đều đồng ý VP xử lý tài sản để thu hồi nợ nếu không trả được nợ.

Áp dụng Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005, yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, VP được chấp nhận đơn khởi kiện nên không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 72.000.000 đồng + 2% (2.335.933.192 đồng – 2.000.000.000 đồng) = 78.718.644 đồng, làm tròn thành 78.719.000 đồng.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 302, 305, 471, 474, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV đối với ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V về Hợp đồng tín dụng số 2182649 ngày 20/11/2014 và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ký duyệt cho vay ngày 10/4/2015.

- Buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV các khoản tiền sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng: Tổng số tiền: 2.009.938.025 đồng (trong đó nợ gốc: 1.061.657.000 đồng; nợ lãi nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 948.281.025 đồng);

+ Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, ký duyệt cho vay ngày 10/4/2015: Tổng số tiền 325.995.167 đồng (trong đó nợ gốc: 86.138.662 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 239.856.505 đồng).

Tổng hai khoản: 2.335.933.192 (hai tỷ ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn một trăm chín mươi hai) đồng (trong đó 1.147.795.662 đồng nợ gốc; nợ lãi tính đến hết ngày 20/01/2022 là: 1.188.137.530 đồng).

- Trong trường hợp ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 211, Tờ bản đồ số: 07 tại đại chi: Tổ Dân phố số Z, phường ĐM, quận HD, thành phố Hà Nội có “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 688769, số vào sổ cấp GCN: CH-00593 do Ủy ban nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/01/2011, đứng tên ông Nguyễn Xuân H để thu hồi nợ.

Nếu tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V còn phải trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV cho đến khi hết khoản nợ.

Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp của ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Kể từ ngày 21/01/2022, ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 30.000.000

(ba mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 9787 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Vũ Thị V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 78.719.000 (bảy mươi tám triệu bảy trăm mười chín nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Vũ Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh